è bào

恶报

noun · retribution; punishment for evil

Example Sentences

Zuò huài shì zhōng yǒu è bào
做 坏 事 终 有 恶 报 。

Doing bad deeds will eventually bring retribution.

Tā xiāng xìn è bào huì jiàng lín zài huài rén shēn shàng
他 相 信 恶 报 会 降 临 在 坏 人 身 上 。

He believes that retribution will fall upon evil people.

Trace each character, then write the word on your own.

恶 恶 恶 恶 恶 恶 恶 恶 恶 恶 恶
恶 恶

报 报 报 报 报 报 报 报 报 报